

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 23/7/2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Bà Triệu Thị Tình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chử - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Cao Thị Hồng – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C

Trong ngày 23 tháng 07 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 54/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019, ngày 03/7/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H – Sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn Ch, xã Th, huyện C, Thanh Hóa – Có mặt

Bị đơn: Anh Hà Văn H – Sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn Ch, xã Th, huyện C, Thanh Hóa – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019; bản tự khai ngày 11 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Hà Văn H lấy nhau năm 2011, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Th vào tháng 5/2013. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới nhau xong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do đó, anh, chị đã ly thân nhau từ cuối

năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H.

Trước khi làm đơn ly hôn chị đã có trao đổi thống nhất với anh H, anh đồng ý ly hôn nhưng cứ viện lý do công việc bận, không về để giải quyết được. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Hà Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh H, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh chỉ điện thoại báo là “tôi đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt tôi”. Do đó, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2019 và ngày 05/6/2019 đối với người thân của anh Hà Văn H là ông Hà Văn I - bố đẻ anh H cho biết: Anh H là con trai ông, trước đây đi làm ăn trong Miền Nam có quen biết với chị Bùi Thị H, sau đó hai cháu đi đến hôn nhân, tổ chức cưới hỏi trong Miền Nam, rồi về quê báo hỷ và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th năm 2013. Sau khi cưới nhau xong chồng anh H, chị H sống ở nhà một thời gian rồi lại đi vào Miền Nam làm ăn, thỉnh thoảng 2 vợ chồng với về quê thăm nhà. Khoảng năm 2016 nghe nói vợ chồng anh H mâu thuẫn, ông cũng đã có khuyên can, nhưng không được. Khi chị H làm đơn ly hôn cũng có trao đổi với ông và anh H. Ông đã nhận được các Giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án và đã điện báo cho anh H biết, đồng thời động viên anh H về Tòa giải quyết, nhưng anh H không chịu về, cứ nói là công việc bận, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh H cũng không cung cấp địa chỉ nơi mình đang công tác. Nay vợ chồng anh H đã ly thân nhau từ lâu, con cái thì chưa có, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử cho chị H được ly hôn anh H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều

24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị H ly hôn anh H.

Về án phí: chị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Bùi Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Hà Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Chanh, xã Cẩm Thành, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Hà Văn H hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an xã Th, anh H hiện đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh đang đi làm ăn trong Miền Nam, nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh vẫn về quê, anh H đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là Thôn Ch, xã Th, huyện C, Thanh Hóa.

Anh Hà Văn H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu

thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện C, Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân hơn 2 năm nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51; điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có con chung, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 96; điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 Bộ luật TTDS.

Căn cứ vào các điều 51; điều 56, điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có con chung, nên không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006018, ngày 05/4/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã Th ;
- Các cơ quan hữu quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Dung